

-----  
Số: 57 /2019/CV-TCHC  
V/v: Công bố BCTC quý 4/2018 và giải trình chênh  
lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 so với quý  
4/2017

-----oOo-----  
Lào Cai, ngày 18 tháng 1 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
  2. Mã chứng khoán: ND2
  3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
  4. Điện thoại: 02143 501 540 Fax: 02143 903 661
  5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
  6. Nội dung công bố thông tin:
    - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 4 năm 2018 kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
    - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 kèm theo.
  7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 4/2018 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật *h*



*Ứng Hồng Vận*  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ứng Hồng Vận*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện  
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính

Quý IV/2018

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Điệp  
Ông Ứng Hồng Vận  
Ông Nguyễn Hữu Ngọc  
Ông Nguyễn Thành Phương  
Ông Nguyễn Việt Dũng

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Ứng Hồng Vận  
Ông Nguyễn Hải Đăng  
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Thanh Huấn  
Ông Nguyễn Xuân Dũng  
Ông Nguyễn Doãn Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên Ban Kiểm soát  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trụ sở đăng ký**

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng  
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho Quý IV/2018

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính Quý IV /2018 được trình bày từ trang 3 đến trang 21 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý IV/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Bảng cân đối kế toán Quý IV/2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>129.831.784.762</b>	<b>205.055.943.899</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>59.152.851.061</b>	<b>147.147.151.062</b>
Tiền	111		4.152.851.061	122.147.151.062
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	25.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.482.371.361</b>	<b>34.833.351.359</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	23.937.350.543	26.181.154.807
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.560.996.769	3.027.830.759
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	5.630.039.773	5.624.365.793
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(646.015.724)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>25.196.562.340</b>	<b>23.040.287.501</b>
Hàng tồn kho	141		25.196.562.340	23.040.287.501
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>35.153.977</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	35.153.977
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>1.715.836.506.685</b>	<b>1.778.016.012.314</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.060.670.918</b>	<b>18.060.670.918</b>
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	18.060.670.918	18.060.670.918
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.670.095.596.345</b>	<b>1.743.570.284.992</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.670.095.596.345	1.743.570.284.992
Nguyên giá	222		1.951.895.156.093	1.953.637.940.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.799.559.748)	(210.067.656.005)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.616.106.050</b>	<b>4.986.048.028</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	13.616.106.050	4.986.048.028
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.064.133.372</b>	<b>11.399.008.376</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	14.064.133.372	11.399.008.376
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.845.668.291.447</b>	<b>1.983.071.956.213</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Bảng cân đối kế toán Quý IV/2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.206.146.501.526</b>	<b>1.318.212.302.714</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.406.087.102</b>	<b>113.953.235.341</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4.670.645.363	4.880.013.103
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.092.877.485	6.215.757.160
Phải trả người lao động	314		9.340.084.330	4.955.733.040
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.341.499.184	3.849.433.194
Phải trả ngắn hạn khác	319	14 (a)	9.602.642.757	3.952.489.798
Vay ngắn hạn	320	15(a)	89.184.000.000	89.184.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		174.337.983	915.809.046
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.083.740.414.424</b>	<b>1.204.259.067.373</b>
Phải trả dài hạn khác	337	14(b)	-	21.000.000
Vay dài hạn	338	15(b)	1.083.740.414.424	1.204.238.067.373
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>639.521.789.921</b>	<b>664.859.653.499</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>639.521.789.921</b>	<b>664.859.653.499</b>
Vốn cổ phần	411	17	499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.193.782.608	150.531.646.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.122.518.186	37.939.820.383
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		72.071.264.422	112.591.825.803
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.845.668.291.447</b>	<b>1.983.071.956.213</b>

Ngày 14 tháng 01 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu  
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2018

Mẫu B 02 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	01	91.860.603.726	128.253.365.254	384.765.048.720	434.599.942.542
Giá vốn hàng bán	11	30.931.378.005	43.352.055.030	108.125.758.475	150.401.860.854
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	60.929.225.721	84.901.310.224	276.639.290.245	284.198.081.688
Doanh thu hoạt động tài chính	21	362.582.122	297.338.579	1.828.212.496	1.308.431.019
Chi phí tài chính	22	28.749.772.668	34.822.001.571	116.114.358.056	134.831.398.894
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	28.734.675.843	34.801.433.543	116.038.439.935	134.154.591.571
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.797.238.923	14.141.069.383	32.057.161.250	29.169.238.221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)	30	19.744.796.252	36.235.577.849	130.295.983.435	121.505.875.592
Thu nhập khác	31	280.318.187	88.064.660	464.211.071	409.928.956
Chi phí khác	32	681.698.082	3.447.771.353	1.512.960.359	9.323.978.745
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	(401.379.895)	(3.359.706.693)	(1.048.749.288)	(8.914.049.789)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	19.343.416.357	32.875.871.156	129.247.234.147	112.591.825.803
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.001.493.499		6.538.009.725	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	18.341.922.858	32.875.871.156	122.709.224.422	112.591.825.803
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Ngày 14 tháng 01 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu  
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ung Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV/2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		129.247.234.147	112.591.825.803
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		71.731.903.743	71.466.491.234
Các khoản dự phòng	03		646.015.724	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.357.131)	270.494.962
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.768.084.374)	2.440.971.192
Chi phí lãi vay	06		116.038.439.935	134.154.591.571
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		315.886.152.044	320.924.374.762
Biến động các khoản phải thu	09		2.743.378.539	(5.345.890.818)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.156.274.839)	(4.687.828.816)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.770.037.458	9.615.370.314
Biến động chi phí trả trước	12		(2.665.124.996)	331.979.385
Tiền lãi vay đã trả	13		(118.667.816.216)	(143.255.049.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.474.204.337)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.910.910.476)	(4.046.596.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		187.525.237.177	173.536.358.788
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(8.147.243.033)	(7.915.406.573)
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(2.000.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi	24		-	65.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.768.084.374	1.117.860.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.379.158.659)	58.202.454.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này




Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV/2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

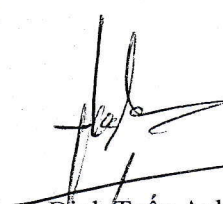
Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	88.389.049.680
Tiền thu từ đi vay	33		9.900.000.000	48.241.150.132
Tiền trả nợ gốc vay	34		(139.084.000.000)	(230.969.441.388)
Tiền trả cổ tức	36		(137.956.378.519)	(27.103.178.380)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(267.140.378.519)</b>	<b>(121.442.419.956)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(87.994.300.001)</b>	<b>110.296.392.906</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	59.152.851.061	147.147.151.062

Ngày 14 tháng 01 năm 2019

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Hiếu  
 Kế toán tổng hợp

  
 Đinh Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Ứng Hồng Vận  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV /2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 110 nhân viên.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### (a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

### (c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(f) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

**(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(h) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**(i) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu từ bán điện**

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(j) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(k) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(l) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(m) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất điện và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	969.662.386	1.030.376.267
Tiền gửi ngân hàng	3.183.188.675	121.116.774.795
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	25.000.000.000
	<u>59.152.851.061</u>	<u>147.147.151.062</u>

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**6. Phải thu khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	2.114.011.000	4.791.427.145
Phải thu khác	3.516.028.773	832.938.648
	<u>5.630.039.773</u>	<u>5.624.365.793</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu dài hạn khác	<u>18.060.670.918</u>	<u>18.060.670.918</u>

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm thuê ( các xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm ngày 1 tháng 8 năm 2013 liên quan đến số tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng Thủy điện Ngòi Phát tại khu đất trên. Tiền thuê đất này sẽ được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023 theo Quyết định số 24729/QĐ-CT ngày 6 tháng 11 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê đất sẽ được bù trừ với Cục thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.226.763.269	-	1.386.615.225	-
Công cụ và dụng cụ	23.873.459.071	-	21.653.672.276	-
	<b>25.100.222.340</b>	<b>-</b>	<b>23.040.287.501</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí thuê văn phòng	10.972.476.213	11.292.062.899
Chi phí khác	3.091.657.159	106.945.477
	<b>14.064.133.372</b>	<b>11.399.008.376</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.388.306.152.194	102.550.958	557.461.229.800	7.768.008.045	1.953.637.940.997
Tăng trong kỳ	138.844.315	-	-	-	138.844.315
Giảm theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (*)	(1.700.904.234)	-	(180.724.985)	-	(1.881.629.219)
Số dư cuối kỳ	1.386.744.092.275	102.550.958	557.280.504.815	7.768.008.045	1.951.895.156.093
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	122.732.560.319	84.300.959	84.917.973.938	2.332.820.789	210.067.656.005
Khấu hao trong kỳ	42.149.098.098	18.249.999	28.387.982.118	1.176.573.528	71.731.903.743
Số dư cuối kỳ	164.881.658.417	102.550.958	113.305.956.056	3.509.394.317	281.799.559.748
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.265.573.591.875	18.249.999	472.543.255.862	5.435.187.256	1.743.570.284.992
Số dư cuối kỳ	1.221.862.433.858	-	443.974.548.759	4.258.613.728	1.670.095.596.345

Tại Quý IV/2018 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty.



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Dự án Ngòi Phát mở rộng	11.644.594.873	4.986.048.028
Dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV Nhà máy	696.961.976	-
Dự án Thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy	1.274.549.201	-
	-	-
	-	-
	<b>13.616.106.050</b>	<b>4.986.048.028</b>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.078.650.878
Công ty truyền tải điện 1	-	659.406.458
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	-	567.805.757
Công ty TNHH MTV Đức Thiện	-	526.400.506
Công ty Cổ phần Vimeco	-	13.500.306
Các nhà cung cấp khác	2.601.351.616	1.034.249.198
	<b>4.670.645.363</b>	<b>4.880.013.103</b>

12. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.983.167.890	44.017.771.113	44.430.223.054	2.570.715.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp		6.538.009.725	5.536.516.226	1.001.493.499
Thuế thu nhập cá nhân	993.857.663	5.941.935.255	4.346.705.665	2.589.087.253
Thuế tài nguyên	2.238.731.607	36.016.893.144	36.324.043.967	1.931.580.784
Các loại thuế khác	-	5.047.519.000	5.047.519.000	-
	<b>6.215.757.160</b>	<b>97.562.128.237</b>	<b>95.685.007.912</b>	<b>8.092.877.485</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Lãi vay phải trả	1.341.499.184	3.849.433.194
	<u>1.341.499.184</u>	<u>3.849.433.194</u>

**14. Các khoản phải trả khác**

(a) *Phải trả ngắn hạn khác*

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Kinh phí công đoàn	66.372.058	136.409.824
Phải trả về cổ tức	1.733.387.238	728.078.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	7.240.703.256	2.808.595.564
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	562.180.205	279.405.753
	<u>9.602.642.757</u>	<u>3.952.489.798</u>

(b) *Phải trả dài hạn khác*

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	21.000.000
	<u>-</u>	<u>21.000.000</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,7%	2027	995.751.972.373	1.035.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-9,6 %	2020	168.486.095.000	257.670.095.000
				<u>1.164.238.067.373</u>	<u>1.293.422.067.373</u>

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	79.715.954.647	79.715.954.647
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Chia Cổ tức	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	122.709.224.422	122.709.224.422
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.440.000.000)	(6.440.000.000)
Cổ tức	-	-	(139.983.088.000)	(139.983.088.000)
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	(1.364.000.000)	(1.364.000.000)
Tặng, giảm khác	-	-	(260.000.000)	(260.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	125.193.782.608	639.521.789.921

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**18. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.828.212.496	1.117.860.647
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		190.570.372
	<b>1.828.212.496</b>	<b>1.308.431.019</b>

**20. Chi phí tài chính**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	116.038.439.935	134.154.591.571
Chi phí tài chính khác	75.918.121	676.807.323
	<b>116.114.358.056</b>	<b>134.831.398.894</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Chi phí nhân công	18.491.599.382	17.818.715.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.114.549	4.085.357.335
Chi phí khác	13.027.447.319	7.265.164.988
	<hr/> <b>32.057.161.250</b>	<hr/> <b>29.169.238.221</b>

Ngày 14 tháng 01 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Thị Hiếu  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc



Số: 56 /2019/CV-TCKH  
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế quý 4/2018 so với quý 4/2017.

-----oOo-----  
Lào Cai, ngày 18 tháng 01 năm 2019

### GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2018, kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2018 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2017 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 4 năm 2018 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **18.341.922.858 đồng**; Quý 4 năm 2017 là: **32.875.871.156 đồng**, Lợi nhuận quý 4 năm 2018 giảm hơn so với lợi nhuận quý 4 năm 2017 là: **14.533.948.298 đồng** tương đương giảm **44,21%**

#### Nguyên nhân giảm do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn. Lợi nhuận quý 4/2018 giảm 14.533.948.298 đồng so với lợi nhuận quý 4/2017 nguyên nhân giảm do:

1. Thủy văn quý 4/2018 mưa ít hơn so với thủy văn quý 4/2017; doanh thu bán điện quý 4/2018 là: 91.860.603.726 đồng trong khi doanh thu bán điện quý 4/2017 là: 128.253.365.254 đồng. Doanh thu bán điện quý 4/2018 giảm so với doanh thu bán điện quý 4/2017 là: 36.392.761.528 tương ứng giảm 28,38%.
2. Trong quý 4/2018 giá vốn hàng bán 30.931.378.005 đồng; giá vốn hàng bán quý 4/2017 là: 43.352.055.030 đồng. Giá vốn hàng bán quý 4/2018 giảm so với giá vốn hàng bán quý 4/2017 là: 12.420.677.025 đồng tương ứng giảm 28,65%. Nguyên nhân giảm do các khoản chi phí giảm theo doanh thu quý 4/2018.
3. Chi phí lãi vay quý 4/2018 là: 28.734.675.843 đồng; chi phí lãi vay quý 4/2017 là: 34.801.433.543 đồng. Chi phí lãi vay quý 4/2018 giảm so với chi phí lãi vay quý 4/2017 là: 6.066.757.700 tương đương giảm 17,43%. Nguyên nhân lãi vay giảm là doanh nghiệp đã trả nợ gốc vay hàng quý trong năm tương ứng giảm chi phí lãi vay phải trả hàng quý trong năm.
4. Chi phí khác quý 4/2018 là: 681.698.082 đồng; chi phí khác quý 4/2017 là: 3.447.771.353 đồng. Chi phí khác quý 4/2018 giảm so với chi phí khác quý 4/2017 là: 2.766.073.271 đồng. Nguyên nhân giảm chi phí khác do quý 4/2017 doanh nghiệp quyết toán dự án kết chuyển các hạng mục không nằm trong dự án đầu tư sang chi phí khác quý 4/2017.

Bốn nguyên chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 giảm so với lợi nhuận sau thuế quý 4/2017 tương ứng giảm 44,21%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2018 giảm so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

**Trân trọng!**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKH.

Người đại diện theo Pháp luật  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ung Hồng Văn

